

BÁO CÁO

**Về các HTX sản xuất lâm nghiệp, HTX nông lâm kết hợp và HTX trồng
dược liệu dưới tán rừng trên địa bàn huyện Đắk Gle**

Thực hiện Công văn số 750/SNNMT-CCKL, ngày 10/4/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh về việc phối hợp cung cấp thông tin về HTX sản xuất lâm nghiệp và nông lâm kết hợp trên địa bàn tỉnh.

Ủy ban nhân dân huyện Đắk Gle báo cáo về các HTX sản xuất lâm nghiệp, HTX nông lâm kết hợp và HTX trồng dược liệu dưới tán rừng trên địa bàn huyện Đắk Gle như sau:

**I. CÁC CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN
HỢP TÁC XÃ LÂM NGHIỆP VÀ NÔNG LÂM**

- Nhằm cụ thể hóa Chương trình số 84-CTr/HU ngày 30-12-2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XIX về thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 16-6-2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII “*về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới*”, UBND huyện đã ban hành Kế hoạch và các văn bản tăng cường chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, địa phương, các tổ chức đoàn thể liên quan phối hợp triển khai, phổ biến các chính sách pháp luật về phát triển kinh tế hợp tác¹.

- Tăng cường chỉ đạo, phân công cơ quan chuyên môn làm nhiệm vụ đầu mối trong việc theo dõi, xây dựng kế hoạch, chương trình hỗ trợ phát triển KTTT, HTX; phổ biến Luật HTX 2023 và các văn bản hướng dẫn thi hành cho các đối tượng là cán bộ quản lý nhà nước về lĩnh vực kinh tế hợp tác trên địa bàn, cán bộ quản lý các hợp tác xã và một số thành viên tiêu biểu của các hợp tác xã nhằm hướng dẫn về các quy trình, trình tự tổ chức, hoạt động HTX, THT; Đồng thời hướng dẫn các mẫu thủ tục để xây dựng hồ sơ đề nghị tổ chức lại hoạt động và thành lập mới HTX như Nghị quyết, Điều lệ HTX, Phương án sản xuất, kinh doanh, danh sách thành viên, ... theo quy định; rà soát, đăng ký nhu cầu tập huấn bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ... về Liên Minh HTX tỉnh tổ chức.

**II. SỐ LIỆU TỔNG QUAN VỀ HỢP TÁC XÃ LÂM NGHIỆP VÀ NÔNG
LÂM KẾT HỢP TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN**

1. Số lượng HTX nông nghiệp đang hoạt động trên địa bàn huyện đến năm 2024: **22 HTX**, trong đó: **Có 13 HTX** hoạt động kết hợp các ngành nghề kinh doanh lâm nghiệp, dược liệu và nông lâm kết hợp, cụ thể:

- Số lượng HTX lâm nghiệp **06 HTX¹**.
 - Số lượng HTX trồng dược liệu **11 HTX²**, trong đó: **07 HTX** trồng dược liệu dưới tán rừng³.
 - Số lượng HTX nông lâm kết hợp **04 HTX⁴**.
 - Số lượng HTX lâm nghiệp và NLKH có nữ là Giám đốc/chủ tịch HĐQT **03 HTX⁵**.
 - Số lượng HTX lâm nghiệp và NLKH có thành viên là hộ nghèo, cận nghèo: **01 HTX⁶**.
- 2. Số lượng HTX nông nghiệp thành lập mới năm 2024: 06 HTX.**
- HTX lâm nghiệp **2 HTX**, gồm: HTX Nông Lâm Nghiệp Và Dịch Vụ Đắk Nhoong, HTX Nông Nghiệp Cộng Đồng Măng Ngàn.
 - HTX trồng dược liệu **01 HTX**, gồm: HTX Nông lâm nghiệp - dược liệu và dịch vụ Bông Bang.
 - HTX nông lâm kết hợp **0 HTX**.
- 3. Tổng số thành viên chính thức trong HTX lâm nghiệp, dược liệu và NLKH trên địa bàn huyện: 131 người/ 13 HTX;**
- 4. Tổng số lao động trong các HTX lâm nghiệp và nông lâm kết hợp: 131 người.**
- 5. Số lớp đào tạo cho các HTX lâm nghiệp và NLKH hàng năm: 0 lớp/năm**
- 6. Số lớp tập huấn cho các HTX lâm nghiệp và NLKH hàng năm: 0 lớp/năm**

(Có biểu thống kê chi tiết kèm theo)

III. ĐÁNH GIÁ VỀ TÌNH HÌNH THÀNH LẬP, PHÁT TRIỂN VÀ SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÁC HTX LÂM NGHIỆP, DƯỢC LIỆU VÀ NÔNG LÂM KẾT HỢP NÓI RIÊNG

1. Đặc điểm, tình hình: Các HTX lâm nghiệp, dược liệu và nông lâm kết hợp trên địa bàn huyện hoạt động chủ yếu phát triển các loại dược liệu, gia vị ngắn ngày

¹ Gồm: HTX Nông Nghiệp Xã Đắk Kroong, HTX Nông Nghiệp Xã Đắk Pek, Hợp Tác Xã Ngọc Linh, HTX Dược Liệu Ngọc Linh, HTX Nông Lâm Nghiệp Và Dịch Vụ Đắk Nhoong, HTX Nông Nghiệp Cộng Đồng Măng Ngàn.

² Gồm: HTX Nông Nghiệp Xã Đắk Kroong, HTX Nông Nghiệp Xã Đắk Pek, HTX Nông Nghiệp Và Dược Liệu Mường Hoang, HTX dược liệu Ngọc Linh; HTX chăn nuôi và dịch vụ nông nghiệp Tuấn Hiến, HTX và TM DV cung ứng dược liệu Thuận Tài, Hợp tác xã Thương mại và dịch vụ Đắk Gleì, Hợp tác xã nông nghiệp xã Đắk Choong, HTX Dược Liệu Ngọc Linh, HTX Nông lâm nghiệp - dược liệu và dịch vụ Bông Bang, HTX nông lâm nghiệp và dịch vụ Đắk Nhoong.

³ Gồm: HTX Nông Nghiệp và Dược Liệu Mường Hoang, HTX dược liệu Ngọc Linh, Hợp tác xã Thương mại và dịch vụ Đắk Gleì, Hợp tác xã nông nghiệp xã Đắk Choong, HTX Dược Liệu Ngọc Linh, HTX Nông lâm nghiệp - dược liệu và dịch vụ Bông Bang, Hợp tác xã nông nghiệp sinh thái Phụng Hoàng.

⁴ Gồm: HTX và TM DV cung ứng dược liệu Thuận Tài, Hợp tác xã Thương mại và dịch vụ Đắk Gleì, Hợp tác xã nông nghiệp sinh thái Phụng Hoàng, Hợp tác xã nông nghiệp xã Đắk Choong.

⁵ Gồm: Hợp tác xã Thương mại và dịch vụ Đắk Gleì, Hợp tác xã nông nghiệp sinh thái Phụng Hoàng, HTX Nông Nghiệp Cộng Đồng Măng Ngàn.

⁶ Gồm: HTX và TM DV cung ứng dược liệu Thuận Tài: 3 hộ nghèo, cận nghèo.

(sâm dây, cà tem, gừng, nghệ...) tại các vườn cà phê, bởi lời, trong đó có một số ít HTX có các thành viên tham gia trồng Sâm Ngọc Linh.

2. Kết quả hoạt động

- Các HTX lâm nghiệp có đăng ký kinh doanh, tuy nhiên hoạt động phát triển lâm nghiệp chưa được quan tâm, phát triển, việc phát triển trồng rừng chủ yếu tại các hộ dân trên địa bàn các xã, thị trấn và thu nhặt, thu mua các lâm sản ngoài gỗ (như: nấm các loại, tiêu rừng, ...).

- UBND huyện đã hỗ trợ các HTX, THT tham gia các chương trình Hội chợ, giới thiệu sản phẩm, đầu tư xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường tiêu thụ trong và ngoài huyện. Đồng thời hướng dẫn, hỗ trợ các HTX liên kết, thu mua được liệu trên địa bàn huyện với 06 HTX⁷ đang tiến hành liên kết, tiêu thụ sản phẩm đối với các hộ dân trên địa bàn các xã Mường Hoong, Ngọc Linh, Xốp, Đăk Choong.

- Ngoài ra, UBND huyện đã hỗ trợ các HTX chế biến, chuẩn hóa sản phẩm (như: bao bì, nhãn mác, mã QR, ...), phát triển sản phẩm được liệu thô thành các sản phẩm chế biến, có sản phẩm đạt chuẩn OCOP cấp tỉnh, cấp huyện cụ thể: Hợp tác xã Thương mại và dịch vụ Đăk Glei, Hợp tác xã nông nghiệp sinh thái Phượng Hoàng, Hợp tác xã Thương mại và dịch vụ cung ứng dược liệu Thuận Tài, Hợp tác xã Ngọc Linh, HTX nông nghiệp và dược Liệu Mường Hoong với các sản phẩm chế biến từ sâm dây, gừng, nghệ, tiêu rừng (mắc khén) (như: Cao sâm sây, Trà gừng sâm dây mật ong, viên ngậm sâm dây mật ong, sâm dây sấy dẻo, mứt sâm dây, bột sâm dây, rượu sâm dây...) đồng thời mạnh dạn phát triển thị trường tiêu thụ, kết nối, tiêu thụ sản phẩm ra các thị trường lớn như: Hà Nội, Hồ Chí Minh, Đà Nẵng....

3. Thuận lợi, ưu điểm: Một số HTX nắm bắt và hiểu về cơ chế, chính sách của Nhà nước liên quan đến phát triển Kinh tế tập thể, đã phát huy được vai trò trợ giúp phát triển kinh tế hộ thành viên; đẩy mạnh ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật mới trong quản lý và sản xuất kinh doanh giúp nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị sản phẩm, chủ động xây dựng định hướng hoạt động của HTX và phát triển HTX với xây dựng thương hiệu, đầu tư phát triển các sản phẩm thô thành các sản phẩm chế biến, đồng thời chuẩn hóa sản phẩm, đáp ứng yêu cầu của thị trường tiêu thụ về chất lượng, mẫu mã tạo tiền đề để các HTX mới thành lập học hỏi, phát triển.

4. Khó khăn, hạn chế

- Một số HTX chưa quan tâm, chú trọng các hoạt động, chưa xác định hướng phát triển phù hợp và phát triển HTX, chưa chủ động và mạnh dạn đầu tư, huy động nguồn lực nhằm phát triển hoạt động HTX.

- Các HTX chưa chủ động báo cáo tình hình hoạt động của HTX về cơ quan chuyên môn nắm, tổng hợp và báo cáo cấp trên kịp thời.

5. Kiến nghị, đề xuất: Đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với các Sở, ngành liên quan tiếp tục quan tâm tăng cường mở lớp đào tạo, tập huấn nhằm

⁷ Hợp tác xã thương mại và dịch vụ Đăk Glei, Hợp tác xã nông nghiệp sinh thái Phượng Hoàng, HTX và TMDV cung ứng dược liệu Thuận Tài, Hợp tác xã Ngọc Linh, HTX nông nghiệp và dược Liệu Mường Hoong.

nâng cao năng lực quản lý cho thành viên HTX sản xuất lâm nghiệp, HTX nông lâm kết hợp và HTX trồng dược liệu dưới tán rừng trên địa bàn huyện.

Trên đây là báo cáo về các HTX sản xuất lâm nghiệp, HTX nông lâm kết hợp và HTX trồng dược liệu dưới tán rừng trên địa bàn, UBND huyện Đắk Glei báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chi cục Kiểm lâm tỉnh Kon Tum biết, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Sở NN&MT(b/c);
- Chi cục Kiểm lâm (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện (t/d);
- Phòng NN&MT;
- Phòng TC-KH;
- UBND các xã, Thị trấn;
- Lưu: VT.



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH




Đỗ Sum

BIỂU THỐNG KÊ THÔNG TIN CÁC HỢP TÁC XÃ LÂM
NGHIỆP, DƯỢC LIỆU VÀ NÔNG LÂM KẾT HỢP
HUYỆN ĐẮK GLEI

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2025 của Ủy ban
nhân dân huyện Đắk Glei)

TT	NỘI DUNG	ĐVT	HTX 1	HTX 2	HTX 3	HTX 4
1	Tên Hợp tác xã		HTX NÔNG NGHIỆP XÃ ĐẮK KROONG	HTX NÔNG NGHIỆP XÃ ĐẮK PEK	HTX NÔNG NGHIỆP VÀ DƯỢC LIỆU MƯỜNG HOONG	HTX Ngọc Linh
2	Địa chỉ HTX		Xã Đắk Kroong	Xã Đắk Pek	Xã Mường Hoong	Xã Ngọc Linh
3	Năm thành lập HTX		2019	2019	2019	2019
4	Số thành viên chính thức của HTX	Người	10	7	8	20
5	Số thành viên liên kết góp vốn	Người				
6	Số thành viên liên kết không góp vốn	Người				
7	Số thành viên Hội đồng quản trị	Người				
8	Số thành viên BKS/KSV	Người				
9	Số thành viên Ban giám đốc	Người				
10	Giám đốc của HTX					
	Giới tính (nam/nữ)		Nam	Nam	Nam	Nam
	Tuổi					
	Là chủ tịch HĐQT					
	Trình độ		12/12	12/12	12/12	12/12
11	Trình độ cán bộ quản lý của HTX					
-	Số cán bộ quản lý HTX qua đào tạo ĐH trở lên	Người				
-	Số cán bộ quản lý HTX qua đào tạo Cao đẳng	Người				
-	Số cán bộ quản lý HTX qua đào tạo trung cấp	Người				
-	Số cán bộ quản lý HTX qua đào tạo sơ cấp	Người				
-	Số cán bộ quản lý HTX chưa qua đào tạo	Người				
12	Tổng diện tích rừng HTX quản lý/sử dụng	Ha				
13	Loại rừng	(RTN/Rừng trồng)				
14	Loại hình HTX	(Lâm				
15	HTX được tổ chức các bộ phận chức năng	Có/không				
16	Số thành viên là hộ nghèo	Thành viên				
17	Số thành viên là hộ cận nghèo	Thành viên				
18	Các hoạt động sản xuất của HTX	Liệt kê hoạt động cụ thể	Chăn nuôi lợn; Hoạt động dịch vụ chăn nuôi; sản xuất giống thủy sản; trồng cây ăn quả; trồng cây gia vị, cây dược liệu; trồng cây hàng năm khác; hoạt động dịch vụ trồng trọt; hoạt động dịch vụ sau thu hoạch; trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh; nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp; chăn nuôi trâu bò bán buôn thực phẩm; Bán buôn đồ uống; xay xát và sản xuất bột thô; chăn nuôi dê, cừu; Chăn nuôi khác; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ tre, gỗ, nứa) và động vật sống	Chăn nuôi lợn; Hoạt động dịch vụ chăn nuôi; sản xuất giống thủy sản; trồng cây ăn quả; trồng cây gia vị, cây dược liệu; trồng cây hàng năm khác; hoạt động dịch vụ trồng trọt; hoạt động dịch vụ sau thu hoạch; trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh; nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp; chăn nuôi trâu bò bán buôn thực phẩm; Bán buôn đồ uống; xay xát và sản xuất bột thô; chăn nuôi dê, cừu; Chăn nuôi khác; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ tre, gỗ, nứa) và động vật sống	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi; trồng cây ăn quả; trồng cây gia vị, cây dược liệu; bán buôn cà phê; trồng cây hàng năm khác; hoạt động dịch vụ trồng trọt; Bán buôn gạo; Trồng trọt chăn nuôi hỗn hợp; nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp; chăn nuôi trâu bò; bán buôn thực phẩm; xử lý hạt giống dê nhân giống; chăn nuôi gia cầm; hoạt động dịch vụ trồng trọt; hoạt động dịch vụ chăn nuôi	Chăn nuôi dê cừu; trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp; trồng rừng chăm sóc rừng; chăn nuôi trâu bò; trồng cây gia vị, dược liệu; bán buôn cà phê; bán buôn gạo; xử lý hạt giống dê nhân giống; nhân và chăm sóc cây giống hàng năm; chăn nuôi gia cầm; hoạt động dịch vụ trồng trọt; hoạt động dịch vụ chăn nuôi
19	Loại sản phẩm/dịch vụ của HTX	Liệt kê SP/DV				
20	Các hoạt động HTX đã hỗ trợ cho thành viên	Liệt kê các hoạt động				

TT	NỘI DUNG	ĐVT	HTX 1	HTX 2	HTX 3	HTX 4
21	HTX có xây dựng phương án kinh doanh	5 năm 1 lần hay 1 năm 1 lần				
22	Vốn điều lệ của HTX	Triệu đồng	50	100	800	800
23	Tổng tài sản của HTX năm 2024	Triệu đồng				
24	Tổng tài sản không chia của HTX năm 2024	Triệu đồng				
25	Tổng vốn kinh doanh của HTX năm 2024	Triệu đồng				
26	Số lao động thường xuyên của HTX	Người	10	7		
27	Số lao động thời vụ (nếu có)	Người				
28	Số lao động được đóng BHXH	Người				
29	Trình độ của lao động thường xuyên tại HTX					
-	Đại học trở lên	Người				
-	Cao đẳng	Người				
-	Trung cấp	Người				
-	Sơ cấp	Người				
-	Lao động phổ thông trở xuống	Người				
30	Tỷ lệ cung ứng sản phẩm/dịch vụ cho thành viên HTX	%				
31	Tỷ lệ cung ứng sản phẩm/dịch vụ cho thành viên HTX qua các năm	Tăng/Giảm				
32	Hợp tác xã đã thực hiện chuyển đổi số trong các hoạt động (SX/Kế toán/Tiêu thụ/Quản lý)	Có/không				
33	Hợp tác xã có trang thiết bị phục vụ ứng dụng CNTT và chuyển đổi số	Có/Không đảm bảo				
34	Chất lượng mạng Internet của HTX	Ổn định/không				
35	Doanh thu của HTX					
-	2020	Triệu đồng				
-	2021	Triệu đồng				
-	2022	Triệu đồng				
-	2023	Triệu đồng				
-	2024	Triệu đồng				
36	Lợi nhuận của hợp tác xã					
-	2020	Triệu đồng				
-	2021	Triệu đồng				
-	2022	Triệu đồng				
	2023	Triệu đồng				
	2024	Triệu đồng				
37	Tỷ lệ trích lập các quỹ của hợp tác xã					
	2020	Tỷ lệ %				
	2021	Tỷ lệ %				
	2022	Tỷ lệ %				
	2023	Tỷ lệ %				
	2024	Tỷ lệ %				
38	Số tiền thuế phải nộp					
	2020	Triệu đồng				
	2021	Triệu đồng				
	2022	Triệu đồng				
	2023	Triệu đồng				
	2024	Triệu đồng				
39	Thu nhập bình quân/lao động của HTX	Triệu đồng/lao động/tháng				

**BIỂU THỐNG KÊ THÔNG TIN CÁC HỢP TÁC XÃ LÂM NGHIỆP,
ĐƯỢC LIỆU VÀ NÔNG LÂM KẾT HỢP
HUYỆN ĐẮK GLEI**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2025 của Ủy ban nhân dân
huyện Đắk Glei)

TT	NỘI DUNG	ĐVT	HTX 5	HTX 6	HTX 7
1	Tên Hợp tác xã		HTX CHĂN NUÔI VÀ DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP TUẦN HIẾN	HTX và TM DV cung ứng dược liệu Thuận Tài	Hợp tác xã Thương mại và dịch vụ ĐắkGlei
2	Địa chỉ HTX		Xã Đắk Môn	Thị trấn Đắk Glei	Thôn Đắk Rang, Xã Đắk Pék
3	Năm thành lập HTX		2020	21-01-2021	06-05-2021
4	Số thành viên chính thức của HTX	Người	13	7	
5	Số thành viên liên kết góp vốn	Người		7	
6	Số thành viên liên kết không góp vốn	Người		84	
7	Số thành viên Hội đồng quản trị	Người			
8	Số thành viên BKS/KSV	Người			
9	Số thành viên Ban giám đốc	Người			
10	Giám đốc của HTX				
	Giới tính (nam/nữ)		Nam	Nam	Nữ
	Tuổi			43	37
	Là chủ tịch HĐQT				
	Trình độ		12/12	12/12	12/12
11	Trình độ cán bộ quản lý của HTX				
-	Số cán bộ quản lý HTX qua đào tạo ĐH trở lên	Người			
-	Số cán bộ quản lý HTX qua đào tạo Cao đẳng	Người			
-	Số cán bộ quản lý HTX qua đào tạo trung cấp	Người			
-	Số cán bộ quản lý HTX qua đào tạo sơ cấp	Người			
-	Số cán bộ quản lý HTX chưa qua đào tạo	Người			
12	Tổng diện tích rừng HTX quản lý/sử dụng	Ha			
13	Loại rừng	(RTN/Rừng trồng)			
14	Loại hình HTX	(Lâm			
15	HTX được tổ chức các bộ phận chức năng	Có/không			
16	Số thành viên là hộ nghèo	Thành viên			
17	Số thành viên là hộ cận nghèo	Thành viên			
18	Các hoạt động sản xuất của HTX	Liệt kê hoạt động cụ thể	Chăn nuôi lợn, hoạt động dịch vụ chăn nuôi; Trồng cây ăn quả; Trồng cây gia vị, dược liệu; Trồng cây hàng năm khác; Hoạt động dịch vụ trồng trọt; Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch; Trồng rau đậu các loại, trồng hoa; Chăn nuôi trâu bò; Chăn nuôi gia cầm; Bán buôn thực phẩm; Xay xát và sản xuất bột thô; Chăn nuôi dê, cừu; Chăn nuôi khác; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ tre, gỗ, nứa) và động vật sống; nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	Trồng cây ăn quả; Trồng cây cà phê; Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch; Chế biến và bảo quản rau quả; Sản xuất cà phê; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (bán lâm sản phụ); Bán buôn thực phẩm (Bán buôn cà phê); Trồng cây hàng năm khác (Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu hàng năm); Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu (Sản xuất hoá dược và dược liệu); Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt (Chế biến và bảo quản các sản phẩm từ thịt); Sửa chữa máy móc, thiết bị; Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh; Bán buôn đồ uống(Bán buôn đồ uống có cồn); Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (trừ cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh); Điều hành tua du lịch; Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;	Trồng cây ăn quả; Trồng cây cà phê; Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch; Chế biến và bảo quản rau quả; Sản xuất cà phê; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (bán lâm sản phụ); Bán buôn thực phẩm (Bán buôn cà phê); Trồng cây hàng năm khác (Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu hàng năm); Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu (Sản xuất hoá dược và dược liệu); Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt (Chế biến và bảo quản các sản phẩm từ thịt); Sửa chữa máy móc, thiết bị; Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh; Bán buôn đồ uống(Bán buôn đồ uống có cồn); Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (trừ cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh); Điều hành tua du lịch; Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
19	Loại sản phẩm/dịch vụ của HTX	Liệt kê SP/DV			
20	Các hoạt động HTX đã hỗ trợ cho thành viên	Liệt kê các hoạt động			Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa (Chính)

TT	NỘI DUNG	ĐVT	HTX 5	HTX 6	HTX 7
21	HTX có xây dựng phương án kinh doanh	5 năm 1 lần hay 1 năm 1 lần			
22	Vốn điều lệ của HTX	Triệu đồng	100	5000	1500
23	Tổng tài sản của HTX năm 2024	Triệu đồng			
24	Tổng tài sản không chia của HTX năm 2024	Triệu đồng			
25	Tổng vốn kinh doanh của HTX năm 2024	Triệu đồng			
26	Số lao động thường xuyên của HTX	Người			
27	Số lao động thời vụ (nếu có)	Người			
28	Số lao động được đóng BHXH	Người			
29	Trình độ của lao động thường xuyên tại HTX				
-	Đại học trở lên	Người			
-	Cao đẳng	Người			
-	Trung cấp	Người			
-	Sơ cấp	Người			
-	Lao động phổ thông trở xuống	Người			
30	Tỷ lệ cung ứng sản phẩm/dịch vụ cho thành viên HTX	%			
31	Tỷ lệ cung ứng sản phẩm/dịch vụ cho thành viên HTX qua các năm	Tăng/Giảm			
32	Hợp tác xã đã thực hiện chuyển đổi số trong các hoạt động (SX/Kê toán/Tiêu thụ/Quản lý)	Có/không		Chi tiết hoạt động thực hiện	
33	Hợp tác xã có trang thiết bị phục vụ ứng dụng CNTT và chuyển đổi số	Có/Không đảm bảo			
34	Chất lượng mạng Internet của HTX	Ổn định/không			
35	Doanh thu của HTX				
-	2020	Triệu đồng			
-	2021	Triệu đồng			
-	2022	Triệu đồng			
-	2023	Triệu đồng			
-	2024	Triệu đồng			
36	Lợi nhuận của hợp tác xã				
-	2020	Triệu đồng			
-	2021	Triệu đồng			
-	2022	Triệu đồng			
	2023	Triệu đồng			
	2024	Triệu đồng			
37	Tỷ lệ trích lập các quỹ của hợp tác xã				
	2020	Tỷ lệ %			
	2021	Tỷ lệ %			
	2022	Tỷ lệ %			
	2023	Tỷ lệ %			
	2024	Tỷ lệ %			
38	Số tiền thuế phải nộp			Loại thuế	
	2020	Triệu đồng			
	2021	Triệu đồng			
	2022	Triệu đồng			
	2023	Triệu đồng			
	2024	Triệu đồng			
39	Thu nhập bình quân/lao động của HTX	Triệu đồng/lao động/tháng			

**BIỂU THỐNG KÊ THÔNG TIN CÁC HỢP TÁC XÃ LÂM
NGHIỆP, DƯỢC LIỆU VÀ NÔNG LÂM KẾT HỢP
HUYỆN ĐẮK GLEI**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2025 của Ủy ban
nhân dân huyện Đắk Glei)

TT	NỘI DUNG	ĐVT	HTX 8	HTX 9	HTX 10	HTX 11	HTX 12	HTX 13
1	Tên Hợp tác xã		HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP XÃ ĐẮK CHOONG	Hợp tác xã nông nghiệp sinh thái Phượng Hoàng	HTX DƯỢC LIỆU NGỌC LINH	HTX NÔNG LÂM NGHIỆP VÀ DỊCH VỤ ĐẮK NHOONG	HTX NÔNG LÂM NGHIỆP - DƯỢC LIỆU VÀ DỊCH VỤ BÔNG BANG	HTX NÔNG NGHIỆP CÔNG ĐỒNG MĂNG NGÀN
2	Địa chỉ HTX		Thôn Đắk Mi, Xã Đắk Choong	Thôn Xốp Nghét, xã Xốp	Thôn Xốp Dùi, xã Xốp, huyện ĐắkGlei	Thôn Đắk Nhoong, xã Đắk Nhoong	Thôn Xốp Dùi, xã Xốp	Thôn Đắk Tung, thị trấn ĐắkGlei
3	Năm thành lập HTX		01/11/2021	17/11/2021	04/7/2022	11-04-2024	05/01/2024	15/02/2024
4	Số thành viên chính thức của HTX	Người						
5	Số thành viên liên kết góp vốn	Người						
6	Số thành viên liên kết không góp vốn	Người						
7	Số thành viên Hội đồng quản trị	Người						
8	Số thành viên BKS/KSV	Người						
9	Số thành viên Ban giám đốc	Người						
10	Giám đốc của HTX							
	Giới tính (nam/nữ)		Nam	Nữ	Nam	Nam	Nam	Nữ
	Tuổi			38				
	Là chủ tịch HĐQT							
	Trình độ		12/12	12/12	12/12	12/12	12/12	12/12
11	Trình độ cán bộ quản lý của HTX							
-	Số cán bộ quản lý HTX qua đào tạo ĐH trở lên	Người						
-	Số cán bộ quản lý HTX qua đào tạo Cao đẳng	Người						
-	Số cán bộ quản lý HTX qua đào tạo trung cấp	Người						
-	Số cán bộ quản lý HTX qua đào tạo sơ cấp	Người						
-	Số cán bộ quản lý HTX chưa qua đào tạo	Người						
12	Tổng diện tích rừng HTX quản lý/sử dụng	Ha						
13	Loại rừng	(RTN/Rừng trồng)						
14	Loại hình HTX	(Lâm						
15	HTX được tổ chức các bộ phận chức năng	Có/không						
16	Số thành viên là hộ nghèo	Thành viên						
17	Số thành viên là hộ cận nghèo	Thành viên						
18	Các hoạt động sản xuất của HTX	Liệt kê hoạt động cụ thể	Chăn nuôi lợn; Hoạt động dịch vụ chăn nuôi; Trồng cây ăn quả; Trồng cây gia vị, cây dược liệu; Trồng cây hàng năm khác; Hoạt động dịch vụ trồng trọt; Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch; Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh; Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp; Chăn nuôi trâu, bò; Chăn nuôi gia cầm; Bán buôn thực phẩm; Xay xát và sản xuất bột thô; Chăn nuôi dê, cừu ; Chăn nuôi khác; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa (Chính), trồng cà phê, dược liệu,...	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm; Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch; Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp; Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ; Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm; Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp; Hoạt động dịch vụ trồng trọt (chính); Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Vận tải hành khách đường bộ khác	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp
19	Loại sản phẩm/dịch vụ của HTX	Liệt kê SP/DV						
20	Các hoạt động HTX đã hỗ trợ cho thành viên	Liệt kê các hoạt động						

TT	NỘI DUNG	ĐVT	HTX 8	HTX 9	HTX 10	HTX 11	HTX 12	HTX 13
21	HTX có xây dựng phương án kinh doanh	5 năm 1 lần hay 1 năm 1 lần						
22	Vốn điều lệ của HTX	Triệu đồng	100	70	28000	200	2400	8000
23	Tổng tài sản của HTX năm 2024	Triệu đồng						
24	Tổng tài sản không chia của HTX năm 2024	Triệu đồng						
25	Tổng vốn kinh doanh của HTX năm 2024	Triệu đồng						
26	Số lao động thường xuyên của HTX	Người						
27	Số lao động thời vụ (nếu có)	Người						
28	Số lao động được đóng BHXH	Người						
29	Trình độ của lao động thường xuyên tại HTX							
-	Đại học trở lên	Người						
-	Cao đẳng	Người						
-	Trung cấp	Người						
-	Sơ cấp	Người						
-	Lao động phổ thông trở xuống	Người						
30	Tỷ lệ cung ứng sản phẩm/dịch vụ cho thành viên HTX	%						
31	Tỷ lệ cung ứng sản phẩm/dịch vụ cho thành viên HTX qua các năm	Tăng/Giảm						
32	Hợp tác xã đã thực hiện chuyển đổi số trong các hoạt động (SX/Kê toán/Tiêu thụ/Quản lý)	Có/không						
33	Hợp tác xã có trang thiết bị phục vụ ứng dụng CNTT và chuyển đổi số	Có/Không đảm bảo						
34	Chất lượng mạng Internet của HTX	Ổn định/không						
35	Doanh thu của HTX							
-	2020	Triệu đồng						
-	2021	Triệu đồng						
-	2022	Triệu đồng						
-	2023	Triệu đồng						
-	2024	Triệu đồng						
36	Lợi nhuận của hợp tác xã							
-	2020	Triệu đồng						
-	2021	Triệu đồng						
-	2022	Triệu đồng						
-	2023	Triệu đồng						
-	2024	Triệu đồng						
37	Tỷ lệ trích lập các quỹ của hợp tác xã							
	2020	Tỷ lệ %						
	2021	Tỷ lệ %						
	2022	Tỷ lệ %						
	2023	Tỷ lệ %						
	2024	Tỷ lệ %						
38	Số tiền thuế phải nộp							
	2020	Triệu đồng						
	2021	Triệu đồng						
	2022	Triệu đồng						
	2023	Triệu đồng						
	2024	Triệu đồng						
39	Thu nhập bình quân/lao động của HTX	Triệu đồng/lao động/tháng						